

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Vũ Đức Nghiệu
- Năm sinh: 1954
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ. 1996. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Việt Nam) cấp bằng
- Chức danh: Giáo sư. 2012. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Ngành, chuyên ngành khoa học: Ngôn ngữ học.
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại: Đã nghỉ hưu từ năm 2023.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng (Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội).
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở, trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội (nhiều năm, không nhớ cụ thể được).
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành: Không.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước: Không.

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 02 sách chuyên khảo, 01 giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất:

1. Vũ Đức Nghiệu. 2020. *Ngữ pháp lịch sử tiếng Việt: Từ và ngữ đoạn*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

- a) Tổng số đã công bố: 59 bài báo tạp chí trong nước; 04 bài báo tạp chí quốc tế.
- b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất:
 - Trong nước:

1. “Dấu tích tiếng Việt cổ trong mấy văn bản Nôm khắc trên mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang”. *Không gian văn hóa Phật giáo Bắc Giang (Tây Yên Tử)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2023, tr. 556 – 573.
2. “Nhìn lại chữ Quốc ngữ trong giai đoạn khởi tạo và tại thời điểm 1651”. *Ngôn ngữ*, số 8, 2022, tr.3-17.
3. “Bước ngoặt trong tư tưởng Nguyễn Tài Căn về thành tố trung tâm danh ngữ”. Trong sách: *Nguyễn Tài Căn: Tư tưởng, tác phẩm và kỷ niệm*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; 2021. Tr.252-267.
4. “Biến đổi ngữ nghĩa với quá trình ngữ pháp hóa của một số từ làm thành tố phụ trong ngữ vị từ tiếng Việt”. *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 5, số 6 (2019), tr.660 - 684.
5. “Góp thêm ý kiến về ngữ vị từ và động ngữ tiếng Việt”. *Ngôn ngữ*, S.4. 2019.
6. “Nhìn lại từ **cái** chỉ xuất trong danh ngữ tiếng Việt qua ngữ liệu từ thời tiếng Việt cổ đến nay”. *Ngôn ngữ*, S.1. 2019, tr. 3 - 23.
7. “Nên đọc/nói các chữ viết tắt như thế nào?” Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nxb. Thông tin và Truyền thông; Hà Nội, 2019; Tập 2, tr. 164-175.
8. “Sự kết hợp của danh từ đơn vị **cái**, **con** khi làm trung tâm danh ngữ với định ngữ hạn định là danh từ động vật / bất động vật từ thời tiếng Việt cổ đến thế kỷ XX”. *Ngôn ngữ*, S.12. 2017, tr. 3 - 12 & S.1. 2018, tr. 3 – 14.

- Quốc tế:

1. “Negation and Polar Questions in Vietnamese: present and Past”. *Taiwan Journal of Linguistics*. 2024. Vol 22.1, 67-87 pp. (Đồng tác giả: Tue Trinh, Trang Phan).
2. “Do so-called classifiers in Vietnamese categorize nouns?” *Researching and Applying Linguistics and Vietnamese Language Studies*. Geolinguistic Society of Japan. 2023. 339-378 pp.
3. “Vietnamese initial consonant clusters in Quốc Ngữ documents from the 17th to early 19th centuries”. *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society. JSEALS* 12.1 (2019): 143-162. ISSN: 1836-6821. DOI: <http://hdl.handle.net/10524/52448>. University of Hawai'i Press. (Link: <https://uhpress.hawaii.edu/title/jseals/>).

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

- a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 02 cấp Nhà nước; 03 tương đương cấp Bộ.
- b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất:

Nghiên cứu ngữ pháp lịch sử tiếng Việt (từ và ngữ đoạn). Đề tài cấp ĐHQGHN, mã số QG.18.51. Nghiệm thu 2019)

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác: Không.

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây: Không

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 07 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất.

1. Phatcharaphong Phubetpeerawat. Hệ thống ngữ âm tiếng Việt của việt kiều ở tỉnh Mukdahan, Thái Lan. Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2022. Hướng dẫn chính.

2. Đoàn Hữu Dũng. *Sự thể hiện ý nghĩa công cụ trong ngữ pháp tiếng Việt: so sánh với tiếng Nga*. Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2020. Hướng dẫn chính.

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình

Sách

1. *Ngữ pháp lịch sử tiếng Việt: Từ và ngữ đoạn*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2020.
2. *Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà: Những định hướng bảo tồn và phát huy giá trị của di sản*. (Đồng tác giả, chủ biên). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
3. *Tiếng Việt lịch sử: một tham chiếu hồi quan*. (Đồng tác giả). Nxb. Văn học, 2018
4. *Vietnam in History and Transformation*. (Đồng tác giả). Lambert Academic Publishing, Germany, 2016.
5. *Bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế* (Đồng tác giả). Nxb. ĐHQGHN, 2015.
6. *Tiếng Việt lịch sử trước thế kỉ XX: những vấn đề quan yếu*. (Đồng tác giả). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
7. *Perspective on the Native Language and the Establishment of Linguistics in East Asia during the Transitional Period to the Modern Age*. (Đồng tác giả). Samyong, Korea. 2015.
8. *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*. Nxb. Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2011.
9. *Dẫn luận ngôn ngữ học*. (Đồng tác giả, chủ biên). Nxb. ĐHQGHN, 2009.
10. *Lược sử Việt ngữ học* (Đồng tác giả). Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005; tái bản, 2017.
11. *Learn Vietnamese on Television*, Chương trình VTV4, Đài truyền hình Việt Nam, 2000-2001-2002-2003.
12. *Sổ tay từ ngữ Hán Việt (bậc tiểu học)* (Đồng tác giả). Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1999.

13. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt* (Đồng tác giả). Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1990. Tái bản lần thứ 12, Hà Nội, 2007.

Bài báo

1. "Negation and Polar Questions in Vietnamese: present and Past". *Taiwan Journal of Linguistics*. 2024. Vol 22.1, 67-87 pp. (Đồng tác giả: Tue Trinh, Trang Phan).
2. "Do so-called classifiers in Vietnamese categorize nouns?" *Researching and Applying Linguistics and Vietnamese Language Studies*. Geolinguistic Society of Japan. 2023. 339-378 pp.
3. "Dấu tích tiếng Việt cổ trong mấy văn bản Nôm khắc trên mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang". *Không gian văn hóa Phật giáo Bắc Giang (Tây Yên Tử)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2023, tr. 556 – 573.
4. "Nhìn lại chữ Quốc ngữ trong giai đoạn khởi tạo và tại thời điểm 1651". *Ngôn ngữ*, số 8, 2022, tr.3-17.
5. "Bước ngoặt trong tư tưởng Nguyễn Tài Cẩn về thành tố trung tâm danh ngữ". Trong sách: *Nguyễn Tài Cẩn: Tư tưởng, tác phẩm và kỷ niệm*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; 2021. Tr.252-267
6. "Biến đổi ngữ nghĩa với quá trình ngữ pháp hóa của một số từ làm thành tố phụ trong ngữ vị từ tiếng Việt". *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 5, số 6 (2019), tr.660 - 684.
7. "Vietnamese initial consonant clusters in Quốc Ngữ documents from the 17th to early 19th centuries". *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society. JSEALS* 12.1 (2019): 143-162. ISSN: 1836-6821. DOI: <http://hdl.handle.net/10524/52448>. University of Hawai'i Press. (Link: <https://uhpress.hawaii.edu/title/jseals/>)
8. "Góp thêm ý kiến về ngữ vị từ và động ngữ tiếng Việt". *Ngôn ngữ*, S.4. 2019.
9. "Nhìn lại từ **cái** chỉ xuất trong danh ngữ tiếng Việt qua ngữ liệu từ thời tiếng Việt cổ đến nay". *Ngôn ngữ*, S.1. 2019, tr. 3 - 23.
10. "Nên đọc/nói các chữ viết tắt như thế nào?" Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nxb. Thông tin và Truyền thông; Hà Nội, 2019; Tập 2, tr. 164-175.
11. "Sự kết hợp của danh từ đơn vị **cái**, **con** khi làm trung tâm danh ngữ với định ngữ hạn định là danh từ động vật / bất động vật từ thời tiếng Việt cổ đến thế kỷ XX". *Ngôn ngữ*, S.12. 2017, tr. 3 - 12 & S.1. 2018, tr. 3 – 14.
12. "Những dị biệt ở trung tâm danh ngữ tiếng Việt cổ - cận đại so với hiện nay". *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường ĐHKHXHNV, ĐHQGHN, tập 3, số 3 (6.2017), tr. 276-291.
13. "Cấu trúc động ngữ tiếng Việt trong văn bản "Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh", *Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển"*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 745-770.
14. "Từ RẤT và cấu trúc {rất + Danh từ}, {Tính từ + rất} trong một số văn bản Nôm thế kỉ XV- XIX" (Đồng tác giả: Trần Trọng Dương), *Tạp chí Hán Nôm*, S.5, 2017.

15. “Nhận diện giá trị của kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang”, *Kỷ yếu hội thảo "Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Trúc Lâm"*, *Tạp chí Văn hóa học*, số 6/ 2016.
16. “Biểu hiện của quá trình biến đổi các tổ hợp phụ âm đầu bl, ml, mnh, tl trong ngữ liệu chữ Quốc ngữ thế kỉ XVII - đầu XIX”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4, 2016, tr. 3-17
17. “Các biến đổi ngữ âm lịch sử với việc tạo từ tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 6, 2015, tr.3-16.
18. “Hai cột mốc quan trọng trong nghiên cứu nguồn gốc tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường ĐHKHXHNV, ĐHQGHN, số 1/2015, tr. 64-75.
19. “Câu chuyện không nhỏ về hai con chữ I, Y trong chính tả tiếng Việt”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 3, 5/2015, tr. 13-19.
20. “Góp thêm ý kiến về nguyên do hình thành những từ gọi là từ ngẫu hợp của tiếng Việt”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học "Việt Nam học: những phương diện văn hóa truyền thống"*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015, tr. 1057-1070.
21. “Các biến đổi ngữ âm lịch sử với việc tạo từ tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 6, 2015, tr. 3-16.
22. “Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX - bước bản lề của Việt ngữ học và nghiên cứu Việt ngữ”, *Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb ĐHQGHN, 2014, tr. 346-359.
23. “Chứng tích của âm đầu */b/ trong một số văn bản viết bằng chữ Quốc ngữ thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XIX”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 9, 2014, tr. 32-44.
24. “Câu trúc danh ngữ tiếng Việt trong văn bản "Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh". *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1, 2014, tr. 3-19.
25. “Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX - bước bản lề của Việt ngữ học và nghiên cứu Việt ngữ”, *Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb ĐHQGHN, 2014, tr. 346-359.
26. “Hiện tượng lặp từ trong một số văn bản Nôm thời tiếng Việt cổ và trung đại” (Đồng tác giả: Trần Hương Thục), *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3/2012, tr. 13-28.
27. “Hur từ tiếng Việt thế kỉ XVII trong ba văn bản viết bằng chữ Quốc ngữ”, *Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb Thông tin và truyền thông, 2012, tr. 354-379.
28. “Một số kết quả khảo sát về từ cổ trong tiếng Việt cổ và trung đại”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Đào tạo và nghiên cứu ngôn ngữ học ở Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Nxb ĐHQGHN, 2011, tr. 732-748.
29. “Từ vựng văn học giai đoạn tiếng Việt cổ: Một số đặc điểm trong sự hình thành và phát triển”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11/2011, tr. 30-46.
30. “Vài kết quả khảo sát sơ bộ về từ vựng tiếng Việt cổ trong một số tác phẩm Nôm”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5/2011, tr. 8-24.

31. "Khảo sát các từ cổ trong ba văn bản viết bằng chữ quốc ngữ thế kỉ XVII", *Tạp chí Khoa học*, ĐHQGHN, tập 26, số 4/2010, tr. 183-197.
32. "Hur từ trong bản giải âm Truyền kì mạn lục", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11/2010, tr. 15-25.
33. "The Integration of Chinese Words into the Vietnamese Language", *Journal of the Research Institute for World Languages - Osaka University*. No. 4, September 2010. 133-147 pp. (Presented at The 7th Pan-Asiatic International Symposium on Languages and Linguistics December 5-6, 2008. Guangzou, China).
34. "Một số điểm dị biệt về từ vựng và ngữ pháp của tiếng Việt trong ba văn bản viết bằng chữ quốc ngữ thế kỉ XVII", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5/ 2010; tr. 1-14.
35. "Semantic structure and passive meaning of được, bị, phải in Vietnamese and ban, trờw in Khmer", *Tạp chí Khoa học*, ĐHQGHN. Volume 25, No. 5E, 2009. 46-56 pp.
36. "Biểu hiện phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX qua tư liệu của một số từ điển", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11/2009, tr. 22-36; và *Kỉ yếu hội thảo quốc tế "Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam - Trung Quốc ở Đông Á và Đông Nam Á"*, Nxb ĐHQGHN, tr. 359-374.
37. "Hàm ý khen, chê con người trong thành ngữ tiếng Việt" (Đồng tác giả: Nguyễn Thị Dung), *Tạp chí Khoa học*, tập 25, số 2, 2009, tr. 80-93. (*Criticizing and Praising Man Implication of Vietnamese Idioms*. Presented at International Conference on Vietnamese Studies. Ha Noi, Dec. 2008).
38. "Các kênh tiếp nhận và tích lũy vốn từ của học viên Trung Quốc học tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11, 2008, tr. 41-47.
39. "Những đơn vị từ vựng biểu thị tâm lí, ý chí, tình cảm có yếu tố chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Việt", *Tạp chí Khoa học*, ĐHQGHN, tập 23, số 3, 2007, tr. 156-163.
40. "Một vài nhận xét về ngôn ngữ quảng cáo bằng tiếng Việt trên báo chí cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX" (Đồng tác giả: Đinh Văn Đức, Dương Hồng Nhung), *Tạp chí Khoa học xã hội*, ĐHQGHN, số 1, 2007, tr. 1-12.
41. "Hur từ tiếng Việt thế kỉ XV trong Quốc âm thi tập và Hồng Đức quốc âm thi tập", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 12, 2006, tr. 1-14.
42. "Góp thêm ý kiến về ngữ pháp, ngữ nghĩa của hai kiểu danh ngữ: hạt dưa..., một hạt dưa..." *Những vấn đề ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQGHN, 2006, tr. 106-119.
43. "Đơn tiết, đơn tiết hoá và đa tiết, đa tiết hoá trong quá trình phát triển của tiếng Việt", *Kỉ yếu hội thảo quốc tế về ngôn ngữ và ngôn ngữ học liên Á*, Hà Nội, 11-2005, tr. 202-213. (*Monosyllabism, monosyllablization and polysyllabism, polysyllablization during Vietnamese developing process*. Presented at the 6th Pan-Asiatic International Symposium on Linguistics. Hanoi, 11/2005).
44. "Một số điểm cần được nhìn nhận lại trong cấu tạo từ tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11, 2004, tr. 11-22.
45. "Một số hệ quả của xu thế đơn tiết hoá và đa tiết hoá trong quá trình phát triển của tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2, 2004, tr. 11-20.

46. "So sánh ngữ nghĩa, ngữ pháp của "được", "bị", "phải" trong tiếng Việt với "ban", "t'râu" trong tiếng Khmer", *Tạp chí Ngôn ngữ*, S. 3, 2002, tr. 13-24.
47. "Ngữ pháp, ngữ nghĩa của hai kiểu danh ngữ: hạt dưa ..., một hạt dưa ... Ngôn ngữ, số 11, 2001, tr. 26 - 30.
48. "Các mức độ tương đồng và tách biệt của một hiện tượng tương tự (paronymy) trong tiếng Việt", Việt Nam học, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2001, tập V, tr. 297-303.
49. "Nửa sau thế kỉ XX - một chặng đường nghiên cứu lịch sử tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5, 2001, tr. 34-42.
50. "Nhìn lại việc nghiên cứu cội nguồn tiếng Việt qua các công trình thuộc nửa đầu thế kỉ XX", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, 2000, tr. 28-38.
51. "Các đơn vị từ vựng song tiết đẳng lập tiếng Việt trong bối cảnh một số ngôn ngữ Đông Nam Á", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5, 1999, tr. 22-34.
52. "Một số nhân tố hữu dụng đối với việc tích lũy vốn từ của người học ngoại ngữ Việt", *Tạp chí Khoa học xã hội*, ĐHQGHN, số 3, 1999.
53. "Các mức độ tương đồng và tách biệt trong một kiểu tổ chức nhóm từ của tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1, 1999, tr. 22-28.
54. "So sánh ý nghĩa thụ động, tình thái của hai từ "phải" và "t'râu" trong tiếng Việt và tiếng Khmer hiện nay", *Tạp chí Khoa học Xã hội*, ĐHQGHN, số 2, 1998, tr. 1-6.
55. "Già giải (dải/trái) non hột?" *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, số 11, 1997.
56. "Mấy nhận xét vắn tắt về những từ có nghĩa tương tự nhau và có liên hệ với nhau ở lịch sử âm đầu trong tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3, 1996, tr. 37-39.
57. "Về một hiện tượng tạo từ trong tiếng Việt", *Tạp chí Khoa học*, ĐHTH, số 4, 1991, tr. 50-55.
58. "Về một hiện tượng tương tự của từ vựng tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1, 1990, tr. 54-59.
59. "Về sự biến dịch âm - nghĩa ở một số nhóm từ trong tiếng Việt", *Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông*, Hà Nội, Viện Ngôn ngữ học, 1986, tr. 366-369.
60. "Diễn biến trong ý nghĩa, chức năng của nhóm từ "không, chẳng, chẳng" từ thế kỉ XV đến nay", *Tạp chí Khoa học*, ĐHTH, số 2, 1986, tr. 55-61.
61. "Một số cứ liệu về lớp hư từ trong "Quốc âm thi tập" và "Hồng Đức Quốc âm thi tập" thế kỉ XV", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4, 1985, tr. 67-69.
62. "Sơ bộ nhận xét tình hình từ vựng trong sách lịch sử lớp 4", *Những vấn đề ngôn ngữ sách giáo khoa*, tập 3, Hà Nội, Nxb Giáo dục, 1983, tr. 49-57.
63. "Một vài nhận xét bước đầu về ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Trãi (qua số liệu thống kê)" (Đồng tác giả: Nguyễn Tài Cẩn), *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3, 1980, tr. 15-21.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

1. Công trình NCKH tiêu biểu ĐHQG, 2012.

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh. Dùng được
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Dùng được.

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2024



Phạm Châm Anh

ThS. *Phạm Châm Anh*

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG. *(Signature)*

NGƯỜI KHAI

(Signature)

Vũ Đức Nghiêu

